

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 51

02-00  
IG TY  
NHH  
& YO  
T NA  
NHAI  
à NỘ  
EM -

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên	

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.





# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 61060845/19019183/HN-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 13 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



**Trần Đình Cường**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017

1802  
ÔNG  
TNH  
ST &  
IỆT  
HI N  
HÀ  
V KIẾ

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>856.741.329.322</b>	<b>1.101.425.586.818</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>89.002.773.770</b>	<b>44.371.716.087</b>
111	1. Tiền		62.346.962.270	31.828.382.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.655.811.500	12.543.333.300
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>3.084.333.333</b>	<b>3.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.084.333.333	3.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>268.198.193.395</b>	<b>342.294.517.131</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	54.578.955.110	130.541.241.046
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	166.529.792.629	142.930.606.127
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	38.954.288.169	56.451.095.570
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.344.635.607	29.291.340.093
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(23.209.478.120)	(16.919.765.705)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>459.746.389.888</b>	<b>708.243.599.122</b>
141	1. Hàng tồn kho		462.510.770.698	711.007.979.932
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>36.709.638.936</b>	<b>3.515.754.478</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	35.134.912.646	1.380.858.350
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.574.726.290	2.134.896.128
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.604.799.671.491</b>	<b>1.603.075.277.270</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.213.979.236</b>	<b>5.342.339.237</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	4.092.401.544	4.092.401.544
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.144.077.692	1.272.437.693
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.404.056.503.802</b>	<b>1.432.502.030.190</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.380.764.816.716	1.408.839.135.742
222	Nguyên giá		3.001.121.480.740	2.979.265.124.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.620.356.664.024)	(1.570.425.988.517)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	23.291.687.086	23.662.894.448
228	Nguyên giá		33.683.481.590	33.683.481.590
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.391.794.504)	(10.020.587.142)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>106.844.417.240</b>	<b>72.590.808.031</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	106.844.417.240	72.590.808.031
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>30.654.980.147</b>	<b>33.789.547.388</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		15.403.834.347	18.538.401.588
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>58.029.791.066</b>	<b>58.850.552.424</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	46.160.613.508	50.545.801.356
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	5.517.715.517	5.613.289.027
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.691.462.041
268	4. Tài sản dài hạn khác		3.660.000.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.461.541.000.813</b>	<b>2.704.500.864.088</b>


11/01/2017  
+ VOI  
VAN  
TAN  
NỘI  
1-1





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>825.366.667.648</b>	<b>1.071.279.863.832</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>710.785.018.372</b>	<b>937.417.611.526</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	55.864.298.425	55.667.222.604
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	6.480.878.451	116.222.690.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.622.986.116	7.865.896.928
314	4. Phải trả người lao động		11.073.256.020	9.820.517.627
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	42.938.174.714	22.697.854.443
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	39.108.306.235	11.098.252.142
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	504.757.698.659	689.673.771.479
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	31.939.419.752	24.371.405.691
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>114.581.649.276</b>	<b>133.862.252.306</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		616.746.578	849.231.858
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	10.190.855.983	10.060.855.983
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	43.380.000.000	64.990.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	60.394.046.715	57.962.164.465
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.636.174.333.165</b>	<b>1.633.221.000.256</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.587.808.441.514</b>	<b>1.589.240.195.847</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	578.324.443.685	568.026.596.583
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.1	133.182.845	133.182.845
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	97.488.783.597	115.289.865.814
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		22.446.238.778	18.906.648.220
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		75.042.544.819	96.383.217.594
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	31.685.619.603	25.614.138.821
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>48.365.891.651</b>	<b>43.980.804.409</b>
431	1. Nguồn kinh phí	23.1	9.725.406.095	3.909.335.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.2	38.640.485.556	40.071.468.816
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.461.541.000.813</b>	<b>2.704.500.864.088</b>

  
Người lập  
Nguyễn Thị Nhung

  
Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

  
Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	858.283.989.122	684.754.095.884
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	1.824.723.232	350.615.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	856.459.265.890	684.403.480.884
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	692.967.730.219	585.931.549.573
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		163.491.535.671	98.471.931.311
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	13.843.353.858	2.581.254.441
22	7. Chi phí tài chính	27	19.314.522.039	18.247.353.889
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.853.285.251	18.217.046.318
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	12.1	(311.366.588)	(548.563.299)
25	9. Chi phí bán hàng	28	14.349.833.745	19.062.534.222
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	43.811.035.861	24.694.887.089
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		99.548.131.296	38.499.847.253
31	12. Thu nhập khác	29	80.404.520	1.082.985.281
32	13. Chi phí khác	29	4.357.595.833	4.773.548.117
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	29	(4.277.191.313)	(3.690.562.836)

TÍNH TỐT  
A NƠI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.270.939.983	34.809.284.417
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	14.061.340.872	7.281.680.792
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	95.573.510	379.689.800
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		81.114.025.601	27.147.913.825
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		75.042.544.819	27.216.530.064
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	6.071.480.782	(68.616.239)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.072	348
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.072	348

*Nhung*

*huệ*



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>95.270.939.983</b>	<b>34.809.284.417</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		47.662.151.616	28.586.478.343
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		6.289.712.415	(679.469.940)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(169.391.667)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.732.906.889)	(1.556.627.050)
06	Chi phí lãi vay	27	18.853.285.251	18.217.046.318
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>155.173.790.709</b>	<b>79.376.712.088</b>
09	Giảm các khoản phải thu		47.338.333.758	38.909.405.841
10	Giảm hàng tồn kho		248.497.209.234	244.006.010.379
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(117.956.262.842)	9.080.871.679
12	Tăng chi phí trả trước		(29.368.866.448)	(33.414.775.719)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.841.505.109)	(17.305.290.964)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.893.061.943)	(4.857.199.601)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.219.160.000	4.990.750.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.135.522.537)	(3.059.786.509)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>279.033.274.822</b>	<b>317.726.697.194</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(19.156.092.517)	(112.571.688.640)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.323.353.333)	-
24	Tiền thu hồi vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		60.735.827.401	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(91.577.782.750)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.890.500.000	1.452.861.400
27	Tiền thu lãi cho vay		1.976.974.130	2.105.190.349
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>14.123.855.681</b>	<b>(200.591.419.641)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		434.407.954.454	599.066.116.491
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(640.934.027.274)	(718.508.873.171)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(42.000.000.000)	(10.281.087.819)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(248.526.072.820)</b>	<b>(129.723.844.499)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>44.631.057.683</b>	<b>(12.588.566.946)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>44.371.716.087</b>	<b>31.413.136.915</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>89.002.773.770</b>	<b>18.824.569.969</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 13 tháng 2 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp .

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 830 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 826).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Sản xuất đường có tính mùa vụ, thu hoạch mía và sản xuất đường thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn (ii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- (ii) Đây là công ty TNHH một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn góp và được thành lập để thực hiện các hoạt động trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Công ty này chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong kỳ tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 35 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.10 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

1180  
CÔNG  
TN  
ST &  
IẾT  
HI N  
HÀ  
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính ("Thông tư 15") và Thông tư 105/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư 15. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

2-1  
 T  
 H  
 Y  
 N  
 H  
 N  
 C  
 1-1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tiền mặt	937.721.510	1.385.810.007
Tiền gửi ngân hàng	61.409.240.760	30.442.572.780
Các khoản tương đương tiền (*)	26.655.811.500	12.543.333.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.002.773.770</u></b>	<b><u>44.371.716.087</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% – 4,4%/năm.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	434.407.954.454	599.066.116.491
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(640.934.027.274)	(718.508.873.171)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	51.657.352.110	127.019.638.046
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	77.151.112.500
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	16.439.656.650	16.400.000.000
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	-	8.925.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.217.695.460	24.543.525.546
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.921.603.000	3.521.603.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.578.955.110</b>	<b>130.541.241.046</b>
Dự phòng	(7.165.243.237)	(6.644.024.697)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Trả trước cho người bán	153.708.079.223	136.643.903.554
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	100.663.570.548	99.750.065.188
Trả trước cho người bán khác	53.044.508.675	36.893.838.366
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 32)	12.821.713.406	6.286.702.573
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>166.529.792.629</b>	<b>142.930.606.127</b>
Dự phòng	(1.280.300.000)	-

**5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	16.919.765.705	4.566.887.648
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(169.861.402)	(679.469.940)
Dự phòng trích lập trong kỳ	6.459.573.817	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.209.478.120</b>	<b>3.887.417.708</b>
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	(7.165.243.237)	(3.887.417.708)
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)	(1.280.300.000)	-
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	(14.763.934.883)	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Ngày 30 tháng 6 năm 2016		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<b>Ngắn hạn</b>						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	38.954.288.169	-	38.954.288.169	56.451.095.570	-	56.451.095.570
<b>Dài hạn</b>						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	4.092.401.544	-	4.092.401.544	4.092.401.544	-	4.092.401.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.046.689.713</b>	<b>-</b>	<b>43.046.689.713</b>	<b>60.543.497.114</b>	<b>-</b>	<b>60.543.497.114</b>

Phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ dưới 1 năm đến 3 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân vay không thu lãi hoặc thu lãi với mức lãi suất là 7%/năm để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công và các hộ nông dân trồng mía.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.878.312.000	-	11.552.641.754	-
Cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(4.252.030.153)
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía	7.874.677.093	(6.259.874.577)	6.173.554.936	(6.023.710.855)
Tạm ứng cho công nhân viên	2.503.503.411	-	1.067.602.995	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	6.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu công nhân viên	253.776.220	-	298.484.104	-
Phải thu khác	4.330.306.577	-	1.694.995.998	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.344.635.607</b>	<b>(14.763.934.883)</b>	<b>29.291.340.093</b>	<b>(10.275.741.008)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	22.840.575.301		20.787.279.787	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	8.504.060.306		8.504.060.306	

(\*) Đây là giá trị góp vốn chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo đó, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn này vào ngày 15 tháng 2 năm 2017, là ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

811  
 CÔ  
 T  
 NST  
 VI  
 CHI  
 H  
 V KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	285.101.714.405	-	508.286.041.371	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.591.376.985	(2.644.389.301)	99.885.187.662	(2.644.389.301)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.888.541.897	-	25.308.956.252	-
Công cụ, dụng cụ	1.296.562.001	(119.991.509)	1.513.774.196	(119.991.509)
Hàng hóa	5.594.631.144	-	75.864.957.503	-
Hàng gửi bán	37.944.266	-	149.062.948	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>462.510.770.698</u></b>	<b><u>(2.764.380.810)</u></b>	<b><u>711.007.979.932</u></b>	<b><u>(2.764.380.810)</u></b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	2.764.380.810	9.491.500
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<b><u>2.764.380.810</u></b>	<b><u>9.491.500</u></b>

02-  
 G T  
 JHH  
 & Y  
 N  
 HÁ  
 N  
 C



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	688.704.588.853	2.184.597.967.734	81.025.611.266	24.403.566.406	533.390.000	2.979.265.124.259
- Mua trong kỳ	2.870.849.453	5.335.901.259	1.210.454.545	41.060.000	-	9.458.265.257
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.479.797.006	681.129.001	-	-	-	9.160.926.007
- Tăng khác	3.237.165.217	-	-	-	-	3.237.165.217
- Phân loại lại	(12.153.575.715)	15.687.067.585	(2.635.290.783)	(898.201.087)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	691.138.824.814	2.206.302.065.579	79.600.775.028	23.546.425.319	533.390.000	3.001.121.480.740
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	211.832.638.743	728.253.002.883	46.857.232.046	19.443.891.160	-	1.006.386.764.832
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.517
- Khấu hao trong kỳ	13.609.556.056	34.013.940.024	2.053.310.054	228.684.673	25.184.700	49.930.675.507
- Phân loại lại	2.379.473.689	(684.016.015)	(1.502.299.967)	(193.157.707)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	297.467.697.795	1.231.181.185.753	69.009.012.789	22.448.816.174	249.951.513	1.620.356.664.024
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	407.225.920.803	986.746.705.990	12.567.608.564	1.990.277.198	308.623.187	1.408.839.135.742
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	393.671.127.019	975.120.879.826	10.591.762.239	1.097.609.145	283.438.487	1.380.764.816.716

Một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1. Ngoài ra, Công ty cũng đã sử dụng dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Trung tâm Công nghệ cao và một phần dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy đường số 2 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa như được trình bày tại Thuyết minh số 18.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.817.702.014	18.778.159.158	10.087.620.418	33.683.481.590
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.817.702.014	18.778.159.158	10.087.620.418	33.683.481.590
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
- Hao mòn trong kỳ	-	142.130.480	229.076.882	371.207.362
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	756.053.523	9.635.740.981	10.391.794.504
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.817.702.014	18.164.236.115	680.956.319	23.662.894.448
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.817.702.014	18.022.105.635	451.879.437	23.291.687.086

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở (*)	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	43.057.417.365	37.958.246.150
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	7.509.318.795	5.373.410.359
Dự án Nhà lưới Sao Vàng (**)	23.371.914.406	-
Các dự án khác	11.821.688.688	8.175.073.536
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.844.417.240</b>	<b>72.590.808.031</b>

(\*) Dự án văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

(\*\*) Dự án Nhà lưới Sao Vàng bao gồm giá trị máy móc, thiết bị và một số chi phí đầu tư xây dựng nhà lưới phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thị trấn Sao Vàng, huyện Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	15.403.834.347	18.538.401.588
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	15.251.145.800	15.251.145.800
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.654.980.147</b>	<b>33.789.547.388</b>

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phần</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	-	-	46,31%	55.562
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa</i>	<i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.134.567.241	-	15.403.834.347	18.538.401.588
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(311.366.588)	-	-	(311.366.588)
Giảm do chuyển nhượng khoản đầu tư trong kỳ	(2.823.200.653)	-	-	(2.823.200.653)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-	<b>15.403.834.347</b>	<b>15.403.834.347</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần được đầu tư tại đơn vị này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

3000  
3RN  
C  
3AA



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Ngày 30 tháng 6 năm 2016			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>15.251.145.800</b>	-	<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>	-	<b>15.251.145.800</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	292.885 227.650	2.974.645.800 2.276.500.000	- -	2.974.645.800 2.276.500.000	292.885 227.650	2.974.645.800 2.276.500.000	- -	2.974.645.800 2.276.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.251.145.800</b>	-	<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>	-	<b>15.251.145.800</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty nêu trên do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	29.152.529.100	-
Chi phí bảo trì điện lưới	542.586.318	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.748.082	-
Công cụ, dụng cụ	440.178.862	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.708.870.284	1.380.858.350
	<b>35.134.912.646</b>	<b>1.380.858.350</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	38.127.253.746	35.474.138.945
Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	3.237.165.219
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.988.325.108	5.754.613.076
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	2.358.553.742	3.000.664.011
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.686.480.912	3.079.220.105
	<b>46.160.613.508</b>	<b>50.545.801.356</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.295.526.154</b>	<b>51.926.659.706</b>

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	55.864.298.425	55.864.298.425	44.961.265.534	44.961.265.534
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	-	10.705.957.070	10.705.957.070
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.864.298.425</b>	<b>55.864.298.425</b>	<b>55.667.222.604</b>	<b>55.667.222.604</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Người mua trả tiền trước Công ty Đầu tư Phát triển Lam Kinh	5.937.178.451	27.829.620.612
Người mua trả tiền trước khác	5.937.178.451	13.284.404.250
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	543.700.000	14.545.216.362
	88.393.070.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.480.878.451</b>	<b>116.222.690.612</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp và cần trừ trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	2.084.740.925	36.960.884.667	(34.252.950.819)	4.792.674.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.325.605.378	14.061.340.872	(6.893.061.943)	12.493.884.307
Thuế thu nhập cá nhân	86.445.335	1.161.032.205	(380.421.352)	867.056.188
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	369.105.290	1.762.537.214	(1.662.271.656)	469.370.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.865.896.928</b>	<b>53.945.794.958</b>	<b>(43.188.705.770)</b>	<b>18.622.986.116</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí xây dựng Trung tâm công nghệ cao	6.262.250.028	6.136.942.545
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu và vận chuyển mía	23.567.224.261	4.156.530.272
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.783.793.468	3.770.404.576
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	3.003.097.506	2.878.975.000
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	799.359.602	763.984.339
Các khoản khác	7.522.449.849	4.991.017.711
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.938.174.714</b>	<b>22.697.854.443</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	889.992.534	495.048.674
Kinh phí công đoàn	1.810.251.691	1.746.746.403
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	151.290.235	1.329.061.412
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	-
Cổ tức phải trả	28.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.022.416.775	7.527.395.653
	<b>39.108.306.235</b>	<b>11.098.252.142</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.230.000.000	1.100.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	1.240.264.833
	<b>10.190.855.983</b>	<b>10.060.855.983</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.299.162.218</b>	<b>21.159.108.125</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	643.473.771.479	643.473.771.479	487.074.026.668	672.340.099.488	458.207.698.659	458.207.698.659
Vay ngắn hạn đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	-	-	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000	43.220.000.000	21.610.000.000	21.610.000.000	43.220.000.000	43.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	350.000.000	-	2.350.000.000	2.350.000.000
	<b>689.673.771.479</b>	<b>689.673.771.479</b>	<b>509.034.026.668</b>	<b>693.950.099.488</b>	<b>504.757.698.659</b>	<b>504.757.698.659</b>
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	64.990.000.000	64.990.000.000	-	21.610.000.000	43.380.000.000	43.380.000.000
	<b>64.990.000.000</b>	<b>64.990.000.000</b>	-	21.610.000.000	43.380.000.000	43.380.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>754.663.771.479</b>	<b>754.663.771.479</b>	<b>509.034.026.668</b>	<b>715.560.099.488</b>	<b>548.137.698.659</b>	<b>548.137.698.659</b>

(\*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu VND và 180 triệu VND. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2017. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(\*\*) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	322.911.970.845	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	30.712.187.888	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	22.303.884.326	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	56.468.655.600	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 4 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 6,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	24.811.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 5 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 7%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	1.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 4 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
	<b><u>458.207.698.659</u></b>			

C. N. P. H. S. C. N. P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng**

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	75.720.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 28 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu là 7,7%/năm. Từ tháng thứ 7, lãi vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.	Toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn và hệ thống tuabin thuộc Nhà máy đường số 2.
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>37.780.000.000</i>			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	10.880.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 24 kỳ bán niên, với kỳ đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2007. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.440.000.000</i>			
	<b>86.600.000.000</b>			
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>43.220.000.000</i>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	24.371.405.691	71.594.003.428
Trích lập quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 21.1</i> )	10.297.847.100	308.254.241
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	(42.164.074.443)
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.729.833.039)	(2.088.133.367)
Giảm khác	-	(1.644.693.437)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>31.939.419.752</u></b>	<b><u>26.005.356.422</u></b>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	57.962.164.465	54.845.221.078
Trích lập quỹ trong kỳ	3.643.230.243	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.211.347.993)	(1.070.371.666)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>60.394.046.715</u></b>	<b><u>53.774.849.412</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>18.638.874.955</i>	<i>10.879.039.412</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>41.755.171.760</i>	<i>42.895.810.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	133.182.845	16.287.017.797	1.477.491.765.819
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	27.216.530.064	27.216.530.064
- Hoàn nhập lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(13.494.612.059)	-	13.494.612.059	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	1.746.774.023	-	(1.746.774.023)	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(308.254.241)	(308.254.241)
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(1.120.718.772)	-	1.141.142.729	20.423.957
- Tăng khác	-	-	-	-	111.332.004	111.332.004
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>568.026.596.585</u>	<u>133.182.845</u>	<u>45.695.606.389</u>	<u>1.494.031.797.603</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	133.182.845	115.289.865.814	1.563.626.057.026
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	75.042.544.819	75.042.544.819
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	10.297.847.102	-	(10.297.847.102)	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
- Thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	-	(2.234.355.000)	(2.234.355.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(13.577.834)	(13.577.834)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>578.324.443.685</u>	<u>133.182.845</u>	<u>97.488.783.597</u>	<u>1.556.122.821.911</u>

(\*) Việc chia cổ tức và các khoản phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 10 năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Ngày 30 tháng 6 năm 2016		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.276.411.784	180.276.411.784	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>-</b>	<b>880.276.411.784</b>	<b>880.276.411.784</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<b>700.000.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>10.500.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

**21.4 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015/2016	70.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2014	-	10.500.000.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả</b>	-	-

**22. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	25.614.138.821	427.362.774
Mua cổ phiếu trong kỳ	-	1.550.000.000
Bán cổ phiếu trong kỳ	-	(300.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(20.423.957)
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông không kiểm soát	6.071.480.782	(68.616.239)
Giảm khác	-	(135.012.535)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.685.619.603</b>	<b>1.453.310.043</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**23.1 Nguồn kinh phí**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	3.909.335.593	549.973.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	7.345.669.502	4.596.550.000
Chi sự nghiệp	(1.529.599.000)	(290.100.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.725.406.095</b>	<b>4.856.423.593</b>

**23.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số đầu kỳ	40.071.468.816	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	42.164.074.443
Sử dụng quỹ	(1.430.983.260)	-
Giảm khác	-	(83.334.664)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.640.485.556</b>	<b>42.164.074.443</b>

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	26.415.643.213	29.167.000.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	1.157
- Euro (EUR)	249	105

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là giá trị của 1.626 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>858.283.989.122</b>	<b>684.754.095.884</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	768.278.003.643	566.417.188.207
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	81.513.361.905	117.401.988.095
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.492.623.574	934.919.582
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.824.723.232</b>	<b>350.615.000</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	342.160.000
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	1.824.723.232	8.455.000
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>856.459.265.890</b>	<b>684.403.480.884</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	766.453.280.411	566.066.573.208
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	81.513.361.905	117.401.988.095
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.492.623.574	934.919.581
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	527.192.742.588	665.164.088.384
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	329.266.523.302	19.239.392.500

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.976.974.130	2.105.190.349
Lãi bán hàng trả chậm	65.860.000	31.775.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	733.220.381	444.289.092
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	11.067.299.347	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.843.353.858</b>	<b>2.581.254.441</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	605.974.905.271	470.833.616.428
Giá vốn của hàng hóa đã bán	78.944.578.943	114.974.985.847
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.048.246.005	122.947.298
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>692.967.730.219</b>	<b>585.931.549.573</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	18.853.285.251	18.217.046.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	303.666.290	30.307.571
Chi phí tài chính khác	157.570.498	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.314.522.039</u></b>	<b><u>18.247.353.889</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	3.951.101.751	3.359.163.471
Chi phí vận chuyển	1.006.394.404	11.501.839.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.414.130.706	2.171.941.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.408.863.125	758.603.353
Chi phí bán hàng khác	5.569.343.759	1.270.986.413
	<b><u>14.349.833.745</u></b>	<b><u>19.062.534.222</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	14.591.535.332	9.340.095.982
Trích lập quỹ Khoa học Công nghệ trong kỳ	3.643.230.243	-
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.343.155.292	3.141.467.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.367.063.407	8.499.073.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.866.051.587	3.714.250.041
	<b><u>43.811.035.861</u></b>	<b><u>24.694.887.089</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.160.869.606</u></b>	<b><u>43.757.421.311</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>80.404.520</b>	<b>1.082.985.281</b>
Thu bán sắt thép phế liệu	-	1.027.380.000
Thu nhập khác	80.404.520	55.605.281
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.357.595.833</b>	<b>4.773.548.117</b>
Phạt và truy thu thuế	318.054.992	1.086.733.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	2.323.014.260	3.434.868.697
Chi phí khác	1.716.526.581	251.946.228
<b>LỖ THUẬN KHÁC</b>	<b><u>(4.277.191.313)</u></b>	<b><u>(3.690.562.836)</u></b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.713.649.589	264.493.497.972
Chi phí nhân công	35.975.730.557	22.725.460.409
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	45.339.137.356	24.969.829.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.727.059.966	36.000.983.707
Chi phí khác	22.823.702.093	12.724.568.958
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>484.579.279.561</u></b>	<b><u>360.914.340.064</u></b>

02-0  
 3 TY  
 HH  
 YO  
 HÁN  
 NỘI  
 1-1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập từ các hoạt động sau:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho kỳ/năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.061.340.872	7.281.680.792
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	95.573.510	379.689.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.156.914.382</b>	<b>7.661.370.592</b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>95.270.939.983</b>	<b>34.809.284.417</b>
<b>Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con</b>	<b>14.318.572.480</b>	<b>8.120.170.115</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	70.150.998	239.081.302
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	53.492.251	36.841.476
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy cồn và nhà máy đường số 1)	464.602.853	751.079.896
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	76.180.000	31.680.000
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	320.754.335	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	182.783.308	34.426.224
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	(122.379.215)	-
Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(1.075.273.425)	(778.791.343)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời của những kì trước	(227.542.713)	(1.152.806.878)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>14.061.340.872</b>	<b>7.281.680.792</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc</i>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	-	-	-	379.689.800
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	5.517.715.517	5.613.289.027	95.573.510	-
	<b>5.517.715.517</b>	<b>5.613.289.027</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>95.573.510</b>	<b>379.689.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Nhận tiền tạm ứng gia công đường luyện	-	7.012.500.000
		Nhập mua đường thô	-	29.571.363.636
		Bán đường	27.394.189.678	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Bán phân bón	916.100.000	-
		Tạm ứng tiền sản xuất	11.939.713.406	4.469.285.473
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Mua cổ phần	-	16.725.503.674
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	300.956.233.624	9.519.045.750

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.712.831.653 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu tiền mua nguyên vật liệu	-	600.000.000
			<b>2.921.603.000</b>	<b>3.521.603.000</b>
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	-	5.404.702.573
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền sản xuất	11.939.713.406	-
			<b>12.821.713.406</b>	<b>6.286.702.573</b>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
			<b>8.504.060.306</b>	<b>8.504.060.306</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 14.1)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	10.705.957.070
			<b>-</b>	<b>10.705.957.070</b>
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	543.700.000	79.214.670.000
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Trả trước tiền mua đường	-	9.178.400.000
			<b>543.700.000</b>	<b>88.393.070.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lương và thưởng	2.533.392.883	1.555.297.281
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.533.392.883</u></b>	<b><u>1.555.297.281</u></b>

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	75.042.544.819	27.216.530.064
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.848.775.147)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>75.042.544.819</u></b>	<b><u>24.367.754.917</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
<i>Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>70.000.000</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	1.072	348
- Lãi suy giảm	1.072	348



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 10 năm 2016 và được phân bổ theo tỷ lệ giữa lợi nhuận của giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và lợi nhuận của cả năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.



**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng khoảng 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.




**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 25,8 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Người lập: Nguyễn Thị Nhung      Kế toán trưởng: Lê Thị Huệ      Tổng Giám đốc: Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 2 năm 2017